

BÁO CÁO

**Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và Đào tạo
thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**

Căn cứ vào Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017,
Thông tư ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo
thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ vào tình hình thực tế. Trường Tiểu học Hòa Thuận A báo cáo thực
hiện 03 công khai cụ thể như sau:

(Có đính kèm các biểu mẫu)

Hòa Thuận, ngày 31 tháng 5 năm 2024

KT.Thủ trưởng đơn vị

Phó Thủ trưởng đơn vị



Bùi Thị Nga

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi	Trẻ 7 tuổi và HTCT lớp 1	Trẻ 8 tuổi và HTCT lớp 2	Trẻ 9 tuổi và HTCT lớp 3	Trẻ 10 tuổi và HTCT lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện 23 tiết/tuần theo chuẩn KTKN.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Học sinh cần có thái độ và ý thức học tập tốt.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Các hoạt động vui chơi, múa hát tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp....				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% lên lớp 2	100% lên lớp 3	100% lên lớp 4	100% lên lớp 5	100% lên lớp 6

Hòa Thuận, ngày 08 tháng 01 năm 2024
KT.Thủ trưởng đơn vị
P.Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Bùi Thị Nga

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, HKII năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	843	168	176	168	147	184
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	843	168	176	168	147	184
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						

* Đối với lớp 1, 2, 3 và lớp 4 (Tổng số học sinh 659)

Nội dung đánh giá	Từng năng lực, phẩm chất	TSHS/Tỉ lệ mức đạt được (%)					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	279	42,33%	371	56,29%	09	1,38%
	Giao tiếp và hợp tác	363	55,08%	287	43,55	09	1,37%
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	280	42,48%	370	56,15%	09	1,37%
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	375	56,9%	275	41,73%	09	1,73%
	Tính toán	374	56,75%	277	42,03%	08	1,22%
	Tin học	156/315	49,52%	159/315	50,48%	0	/
	Công nghệ	212/315	67,30%	103/315	32,70%	0	/
	Khoa học	360	54,63%	298	45,22%	01	0,15%
	Thẩm mĩ	307	46,58%	352	53,41%	0	
	Thể chất	324	49,17%	335	50,83%	0	
Phẩm chất chủ yếu	Yêu nước	645	97,88%	14	2,12%	0	
	Nhân ái	645	97,88%	14	2,12%	0	
	Chăm chỉ	292	44,30%	359	54,48%	08	1,21%
	Trung thực	644	97,72%	371	56,30%	09	1,37%
	Trách nhiệm	292	44,31%	287	43,55%	09	1,37%



*** Đối với lớp 5 (Tổng số học sinh 184)**

Nội dung đánh giá	Từng năng lực, phẩm chất	TSHS/Tỉ lệ mức đạt được (%)					
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	48	26,08%	136	73,92%	0	/
	Hợp tác	150	81,52%	34	18,48%	0	/
	Tự học, GQVĐ	48	26,08%	136	73,92%	0	/
Phẩm chất	Chăm học, chăm làm	48	26,08%	136	73,92%	0	/
	Tự tin, trách nhiệm	150	81,52%	34	18,48%	0	/
	Trung thực, kỉ luật	161	87,5%	23	12,5%	0	/
	Đoàn kết, yêu thương	161	87,5%	23	12,5%	0	/

IV. Số học sinh chia theo kết quả học tập

*** Đối với lớp 1, 2, 3 và lớp 4 (Tổng số học sinh 659)**

	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	TN & XH	Khoa học	LS & ĐL	Âm nhạc	Mĩ thuật	HĐTN	GD TC	Tin học	Tiếng Anh	Công nghệ	Tiếng dân tộc
Hoàn thành tốt	373	372	352	261	102/147	101/147	313	303	316	324	158/315	277	213/315	62/177
Hoàn thành	277	279	307	250	45/147	46/147	346	356	343	335	157/315	381	102/315	115/177
Chưa hoàn thành	09	08	0	01	0		0	0	0	0	0	01	0	0

*** Đối với lớp 5 (Tổng số học sinh 184)**

	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	Khoa học	Lịch sử - Địa lí	Âm nhạc	Mĩ thuật	Kĩ thuật	Thể dục	Tin học	Tiếng Anh	Tiếng dân tộc
Hoàn thành tốt	86	110	75	133	123	62	62	70	88	69	95	6/20
Hoàn thành	98	74	109	51	61	122	122	114	96	115	89	14/20

Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-----------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Hòa Thuận, ngày 01 tháng 6 năm 2024

Phó Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Bà Thị Nga



Biểu mẫu 07

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TH HÒA THUẬN A

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, HKII năm học 2023-2024

ĐVT: m²

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	20/24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	1 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	7.130,3	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.655	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.616	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.280	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	72	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	72	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	48	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	5/5
1.2	Khối lớp 2	5	5/5
1.3	Khối lớp 3	1	1/5
1.4	Khối lớp 4	1	1/4
1.5	Khối lớp 5	1	1/5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		



Biểu mẫu 08

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TH HÒA THUẬN A

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học,
HKII năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48			44	2	2		2	27	17				
I	Giáo viên	44			41	1	2		2	27	15				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	13			13					7	6				
	1 Tiếng dân tộc	1			1					1					
2	Ngoại ngữ	4			4					2	2				
3	Tin học	2			2						2				
4	Âm nhạc	1			1					1					
5	Mỹ thuật	2			2					2					
6	Thể dục	3			3					1	2				
II	Cán bộ quản lý	2			2						2				
1	Hiệu trưởng														
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	2			1	1									
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Bảo vệ, tạp vụ														

Hòa Thuận, ngày 01 tháng 6 năm 2024

KT.Thủ trưởng đơn vị

Phó Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

